TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **719/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Hoàng Liễu.

2/ Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Số C15/14B khu phố 3, thị trấn Tân T, huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Lê Vũ Ph**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: B8/155C ấp 2, xã Tân Nh, huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Trần Thị N trình bày như sau:

Bà N và ông Lê Vũ Ph tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015 và có kết hôn nhân tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân T, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2015, quyển số 01/2015. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà N có nộp đơn ly hôn nhưng vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà N đã rút đơn ly hôn. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc, ông Ph vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông Lê Vũ Ph.

Về con chung: Bà Trần Thị N xác nhận bà N và ông Lê Vũ Ph chung sống với nhau không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Trần Thị N vắng mặt và nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà N.

Bị đơn – ông Lê Vũ Ph đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt tại nơi cư trú của ông Ph số B8/155C ấp 2, xã Tân Nh, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Ph vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Lê Vũ Ph vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị N. Về án phí: Bà Trần Thị N chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Trần Thị N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ly hôn với ông Lê Vũ Ph. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an xã Tân Nh, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh: "Lê Vũ Ph, sinh năm: 1992. Có đăng ký hộ khẩu thường trú tại B8/155C ấp 2, xã Tân Nh, huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại không có cư trú tại địa phương bỏ đi đâu không rõ địa chỉ. Tại địa chỉ B8/155C hiện tại gồm có các nhân khẩu sau: Lê Văn H, sinh năm 1956 (Cha); Lê Thị Th, sinh năm 1969 (Mẹ); Lê Vũ Phương T, sinh năm: 1997 (Em).". Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn – bà Trần Thị N vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà N. Bị đơn – ông Lê Vũ Ph vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định là vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Nguyên đơn – bà Trần Thị N yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Lê Vũ Ph; Về con chung: Bà N xác nhận không có con chung ; Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bị đơn – ông Lê Vũ Ph vắng mặt không đến Tòa án, không nộp văn bản cũng như đến Tòa án trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

[6] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Lê Vũ Ph. Bà Trần Thị N chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[8] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Lê Vũ Ph có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân T, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2015, quyển số 01/2015 đăng ký ngày 17/06/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tân T, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N và ông Ph). Do đó, hôn nhân giữa bà Trần Thị N và ông Lê Vũ Ph là hôn nhân hợp pháp.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, sống ly thân với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[10] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận không có con chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác nhận không có tài sản chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[13] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 97, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 56 và 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị N.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị N và ông Lê Vũ Ph chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2015, quyển số: 01/2015 đăng ký ngày 17/6/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân T, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị N và ông Lê Vũ Ph không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Bà Trần Thị N xác nhận không có con chung. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3- Về tài sản chung: Bà Trần Thị N xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Bà Trần Thị N xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080987 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Bà Trần Thị N và ông Lê Vũ Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND thị trấn Tân T, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi

2 000001 951200